TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 463/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 323/2026/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2026, giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn**: Anh Dương Văn L, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:
Cháu Dương Thái K sinh ngày 03/12/2017
Người đại diện theo pháp luật của cháu K: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989 (mẹ cháu). Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 55, 57, 73, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2026.
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Dương Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Dương Văn L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung tên là Dương Thái K

sinh ngày 03/12/2017. Ly hôn chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Thái K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Chị N là người đại diện theo pháp luật của cháu K.

Vì lợi ích của con chung, chị N và anh L, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, về công nợ, ruộng canh tác và công sức: Chị N và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001379 ngày 30/09/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị N được hoàn trả số tiền chênh lệch 150.000đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 2.*
- *Các đương sự.*
- *Chi cục THA.*
- *UBND xã Hoàng Hoa Thám.*
- *Lưu.*

Hoàng Thị Tuyên